

Bản án số: 671/2023/HS-PT
Ngày: 15 - 9 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thúy Cầu**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Hùng**

Ông **Vũ Đức Toàn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đinh Thế Mạnh**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Võ Phong Lưu** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 260/2023/TLPT- HS ngày 18-4-2023 đối với các bị cáo **Nguyễn Đình T** và đồng bọn do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2023/HSST ngày 06-3-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. **Nguyễn Đình T** (tên gọi khác: **Bi H**); giới tính: Nam; sinh ngày 26-3-1977 tại tỉnh Thừa Thiên - Huế; hộ khẩu thường trú: 48/209 C, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: 520/96/2/2 Quốc lộ A, Khu phố F, phường H, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; cha: **Nguyễn Đình T1** (đã chết); mẹ: **Võ Thị S**, sinh năm 1951; gia đình bị cáo có 08 anh, chị, em, bị cáo là con thứ hai; bị cáo đã ly hôn với vợ là **Nguyễn Thị Diêu H**, sinh năm 1964 và có 03 người con. Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

+ Theo Bản án số 255/HS ngày 29-6-1998 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20-02-1999;

+ Theo Bản án số 31/HSST ngày 25-01-2000 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xử phạt 24 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân”;

+ Theo Bản án số 58/HSST ngày 29-02-2000 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xử phạt 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, tổng hợp hình phạt 06 năm, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 01-6-2005;

+ Theo Bản án số 54/2007/HSST ngày 29-5-2007 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai đã xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14-9-2008;

+ Ngày 26-12-2010, bị **Công an Thành phố H** xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, với hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng, đã nộp tiền phạt;

+ Theo Bản án số 398/HSST ngày 15-9-2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12-02-2018.

Bị bắt, tạm giam ngày 15-12-2021. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* **Nguyễn Đình T**: Luật sư **Vũ Thanh H1** thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. Có mặt.

2. Nguyễn Đình T2 (Tên gọi khác: **P**), giới tính: Nam; sinh ngày 20-02-1997 tại thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: **377/8 Đ, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh**; hiện trú tại: **3 Đ, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh**; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; cha: **Nguyễn Đình T**, sinh năm 1977; mẹ: **Nguyễn Thị Diệu H2**, sinh năm 1964; gia đình bị cáo có 04 anh, chị, em, bị cáo là con thứ ba; bị cáo có vợ là **Nguyễn Thị Ngọc T3**, sinh năm 1997 và có 01 người con, sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17-10-2022. Bị cáo tại ngoại. Vắng mặt.

3. Trần Ngọc H3; giới tính: Nam; sinh ngày 20-02-1989 tại tỉnh Đồng Nai; hộ khẩu thường trú: **A K, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai**; nơi cư trú: **E N, Phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh**; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa; cha: **Trần Ngọc T4**, sinh năm 1962; mẹ: **Trần Thị Thanh X**, sinh năm 1967; gia đình bị cáo có 04 anh,

chị, em, bị cáo là con thứ ba và chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 25-01-2021 bị Công an quận B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích, phạt tiền 2.500.000 đồng, đã nộp tiền.

Bị cáo được áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17-10-2022. Bị cáo tại ngoại. Vắng mặt.

4/ **Trần Thái P1**, giới tính: Nam; sinh ngày 19-03-1994 tại tỉnh Tiền Giang; hộ khẩu thường trú: 36 tổ A, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: 2/5 Quốc lộ A, phường H, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; cha: **Trần Đắc C** (chết), mẹ: **Ngô Thị P2**, sinh năm 1952; gia đình bị cáo có 07 anh, chị, em, bị cáo là con thứ bảy; bị cáo sống chung như vợ chồng với **Nguyễn Thị Thanh H4**, sinh năm 1982 và có 1 người con, sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17-10-2022. Bị cáo tại ngoại. Vắng mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo* **Trần Ngọc H3** và **Trần Thái P1**: Ông **Nguyễn Quốc Đ**, luật sư thuộc Văn phòng L3, Đoàn luật sư tỉnh Đ1. Vắng mặt.

- Bị hại:

1/ **Trần Ngọc H3**, sinh ngày 20-02-1989. Trú tại : **E N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**; Anh **Phương Ngọc L**, sinh năm 1992 (đồng thời là bị cáo trong vụ án, vắng mặt).

2/ **Trần Thái P1**, sinh ngày 19-3-1994. Trú tại : **2 Quốc lộ A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh** (đồng thời là bị cáo trong vụ án, vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ **Trương Thanh T5**, sinh năm 1991. Hộ khẩu thường trú: **Ấp C, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang**; Trú tại: **C Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**. (Vắng mặt tại phiên tòa)

2/ **Lê Văn L1**, sinh năm 1987. Hộ khẩu thường trú: **Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định**; Trú tại: **D B, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 03 giờ ngày 02-6-2020, anh Trương Thanh T5 và Nguyễn Đình T2 (tên gọi khác là P) là người chạy xe ôm tại Bến xe M, cùng đứng trước địa chỉ số C Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì xảy ra mâu thuẫn. Anh Thanh T5 lấy nón bảo hiểm xông vào đánh anh Đình T2 thì bị anh Đình T2 giật được nón bảo hiểm đánh lại. Anh Thanh T5 bỏ chạy vào quán ăn (trước địa chỉ số C Đ) lấy con dao đuổi theo nên anh Đình T2 bỏ đi. Anh Thanh T5 gọi điện cho Trần Thái P1 cho biết mới đánh nhau với anh Đình T2 nhờ giúp đỡ. Khoảng 10 phút sau, anh P1 điều khiển xe mô tô, không xác định biển số gặp anh Thanh T5 tại trước địa chỉ C Đ (đối diện C Bến xe M), P1 gọi điện cho Trần Ngọc H3 nhờ giúp đỡ. Khi P1 đang gọi điện thoại cho H3 thì Nguyễn Đình T (là cha ruột của Đình T2) đi đến, dùng tay đánh vào nón bảo hiểm của P1, nên P1 và anh Thanh T5 chạy về hướng Công số 1 Bến xe M. Khi đến địa chỉ số B Đ, Phường B, quận B thì gặp H3, H3 nói anh Thanh T5 và P1 đi về để H3 đến gặp Đình T nên anh Thanh T5 bỏ đi, còn P1 ở lại với H3. Khoảng 10 phút sau, T điều khiển xe mô tô hiệu Exciter, không xác định biển số chở Đình T2 đến gần địa chỉ số B Đ thì gặp H3 và P1. T dùng tay không đánh vào ngực H3 làm H3 ngã xuống đất. Sau đó, Đình T2 điều khiển xe mô tô chở Đình T chạy về hướng đường Đ và đường N

Do bức tức vì bị đánh, H3 và P1 chạy vào Bến xe M, mỗi người lấy 01 tuýp sắt dài khoảng 70 cm. H3 điều khiển xe mô tô, không xác định biển số chở P1 ngồi sau cầm theo tuýp sắt đuổi theo xe của Đình T2. H3 chạy xe vượt qua xe của Đình T2, dừng xe ở hàng rào Công số 3 Bến xe M (địa chỉ số B Đ, Phường B, quận B) rồi H3 và P1 chạy bộ cầm theo tuýp sắt chạy ngược về phía T và Đình T2 và đứng trước địa chỉ C Đ, Phường B, quận B. Thấy vậy, T nhảy xuống xe đi bộ về phía H3 và P1, Đình T2 điều khiển xe mô tô đâm vào H3 và P1, làm cho H3 ngã xuống đường, T lao tới cầm con dao dài khoảng 10 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài khoảng 6 cm, mũi dao nhọn (T khai khi đến hẻm C Đ, T thấy con dao ở xe nước mía nên lấy cất vào túi áo) đâm trúng cổ và chân của H3. Lúc này, Phong cầm tuýp sắt đánh vào đầu Đình T2 làm Đình T2 bị té gây chảy máu ở đầu, sau đó Đình T2 đứng dậy, đánh nhau với P1 bằng tay không trong lúc vật lộn đã gây ra một số thương tích phần mềm ở trên đầu P1. Sau khi dùng dao gây thương tích cho H3, Đình T quay lại nhìn thấy Đình T2 và P1 đang vật lộn đánh nhau Đình T2 bị P1 dùng tuýp sắt đánh vào đầu gây chảy máu, thì T dùng dao đâm vào chân P1 gây ra vết thương ở đầu gối và giật được tuýp sắt đánh vào chân trái của P1 gây thương tích. Sau đó, T bỏ trốn và vứt bỏ con dao trên đường đi, không xác định địa điểm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H không thu hồi được.

Đối với Trần Thái P1, sau khi sự việc xảy ra đã trình báo đến Công an P3, quận

B và **Công an P3** đưa **H3** và **P1** đến **Bệnh viện N** cấp cứu.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 449/TgT.20 ngày 09-6-2020 của **Trung tâm pháp y Thành phố H** kết luận về thương tích của **Trần Ngọc H3** như sau: *Vết thương phức tạp vùng cổ trái gây thủng da, đứt động mạch mặt giáp trên và các nhánh tĩnh mạch nhỏ tương ứng, đã được điều trị mở khí quản cấp cứu, mở rộng vết thương khâu cột động mạch mặt, động mạch giáp trên, đốt cầm máu các tĩnh mạch, dẫn lưu áp lực vết thương, khâu vết thương vùng cổ kích thước 15x0,2 cm, đang thở qua khai khí quản điều trị viêm phổi hít, có hình ảnh tràn khí vùng cổ xuống trung thất trên phim MSCT, có tỉ lệ 21%. Thương tích do vật sắc nhọn gây ra, rất nguy hiểm đến tính mạng đương sự; Vết thương phần mềm đã được khâu kích thước 6,5x(0,2 - 0,5) cm tại vùng dưới gò phải, có tỉ lệ 02%. Thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra, không nguy hiểm đến tính mạng đương sự; Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 23%.*

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 451/TgT.20 ngày 09-6-2020 của **Trung tâm pháp y Thành phố H** kết luận về thương tích của **Trần Thái P1** như sau: *Bốn vết thương phần mềm nông ở đầu đã được khâu ép, có tỷ lệ 01% mỗi vết. Các vết thương do vật tày, vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra, không nguy hiểm đến tính mạng đương sự; Một vết thương phần mềm đã được khâu tại vùng gò phải kích thước 4x0,1 cm, có tỉ lệ 01%. Thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra, không nguy hiểm đến tính mạng đương sự; Chấn thương vùng cổ chân trái gây sây sát da, gãy hở mắt cá trong, gãy kín 1/3 dưới xương mác và gãy kín mắt cá ngoài, bán trật khớp cổ chân trái, đã được phẫu thuật nắn chỉnh xương, khớp cổ chân, nẹp vít, bắt vít xương, bắt vít chỉnh khớp cổ chân, băng nẹp bột, có tỉ lệ 28%. Thương tích do vật tày tác động mạnh gây ra, không nguy hiểm đến tính mạng đương sự. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra hiện tại là 32%.*

Tại Văn bản số 243/UBND ngày 29-4-2022 của **Ủy ban nhân dân Phường B, quận B** xác định ngày 02-6-2020, tại khu vực **đường Đ**, **Ủy ban nhân dân Phường B** nhận thấy hành vi đuổi đánh nhau có sử dụng hung khí của các đối tượng, đương sự liên quan là nguy hiểm cho xã hội, coi thường pháp luật, gây ra hậu quả nghiêm trọng, nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, đồng thời gây mất an ninh trật tự, ảnh hưởng xấu đến toàn xã hội tại địa phương.

Ngày 15-12-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an Thành phố H** đã bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với **Nguyễn Đình T** và ra Quyết định khởi tố bị can đối với **T** về tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích”.

Ngày 17-10-2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Đình T2, về tội “Cố ý gây thương tích”; khởi tố bị can đối với Trần Ngọc H3 và Trần Thái P1, về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thu giữ của P1 01 thanh sắt dài khoảng 70 cm.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Nguyễn Đình T, Nguyễn Đình T2, Trần Ngọc H3 và Trần Thái P1 thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

* *Vật chứng thu giữ được gồm:* 01 cục đá bên trên có vết máu; 01 áo khoác màu xanh có chữ G đã bị rách; 01 chiếc dép quai ngang màu đen; 01 đôi dép kẹp màu xanh; 01 thanh kim loại dài 70 cm màu trắng; 01 con dao bằng kim loại có cán màu đen dài 33 cm; 01 nón bảo hiểm màu xanh có chữ G.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Trần Ngọc H3 yêu cầu bồi thường 150.000.000 đồng; Trần Thái P1 yêu cầu bồi thường 60.000.000 đồng. Ngày 28-11-2022, Nguyễn Đình T2 bồi thường cho P1 và H3 70.000.000 đồng, (mỗi người 35.000.000 đồng) và đại diện cho Nguyễn Đình T bồi thường cho H3 và P1 80.000.000 đồng (mỗi người 40.000.000 đồng).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 79/2023/HSST ngày 06-3-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. quyết định:

1.1/ Căn cứ khoản 2 Điều 123; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T: 09 (chín) năm tù, về tội “Giết người”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T: 03 (ba) năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu hình phạt chung là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15-12-2021.

1.2/ Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T2: 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo,

về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 06-03-2023.

Giao bị cáo **Nguyễn Đình T2** cho Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách bị cáo **Nguyễn Đình T2** cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo **Nguyễn Đình T2** thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

1.3/ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc H3**: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 06-03-2023.

Giao bị cáo **Trần Ngọc H3** cho Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách bị cáo **Trần Ngọc H3** cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo **Trần Ngọc H3** thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự năm 2019.

1.4/ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Trần Thái P1**: 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 06-03-2023.

Giao bị cáo **Trần Thái P1** cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách bị cáo **Trần Thái P1** cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo **Trần Thái P1** thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự năm 2019.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm; quyền, nghĩa vụ thi hành án dân sự theo quy định pháp luật và quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại.

Ngày 14-3-2003, bị cáo **Nguyễn Đình T** làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04-4-2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo hướng hủy toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo **Nguyễn Đình T** và luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **T** về “Giết người” theo quy định khoản 2 Điều 123 và tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng tội, nhưng mức án là nặng nên đề nghị Hội đồng giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Đồng thời, không đồng ý nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Hành vi của bị cáo **T** và bị cáo **T2** là rất quyết liệt, côn đồ, hung hãn thuộc tình tiết định khung quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự, nhưng án sơ thẩm lại xét xử bị cáo **T** về tội “*Giết người*” theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự là không phù hợp các tình tiết khách quan của vụ án; bị cáo **T2** hoàn toàn ý thức được sẽ xảy ra đánh nhau giữa bị cáo **T** với bị cáo **H3** và bị cáo **P1** nên **Đình T2** chủ động tiếp nhận ý chí từ bị cáo **T**, do đó đồng phạm tội “*Giết người*” với bị cáo **T**. Bị cáo **Trần Ngọc H3** đã bị xử phạt hành chính nhưng lại cho bị cáo **H3** được hưởng án treo là trái quy định khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đề nghị căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo hướng hủy toàn bộ án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Đình T**.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của bị cáo, Luật sư, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Đình T** và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh được làm trong thời

hạn luật định. Do đó, đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Xuất phát từ việc mâu thuẫn giữa anh **Trương Thanh T5** và **Nguyễn Đình T2** (con ruột của **Nguyễn Đình T**) tại số C đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. **Trương Thanh T5** và **Nguyễn Đình T2** đánh nhau bằng nón bảo hiểm. Anh **Thanh T5** bỏ chạy vào quán ăn số 369 **Đình Bộ L2** lấy con dao đuổi theo nên **Đình T2** bỏ đi. Sau đó: “Khoảng 10 phút sau, anh **P1** điều khiển xe mô tô, không xác định biển số gặp anh **Thanh T5** tại trước địa chỉ **C Đ** (đối diện **C Bến xe M**), **P1** gọi điện cho **Trần Ngọc H3** nhờ giúp đỡ. Khi **P1** đang gọi điện thoại cho **H3** thì **Nguyễn Đình T** đi đến, dùng tay đánh vào nón bảo hiểm của **P1**, nên **P1** và anh **Thanh T5** chạy về hướng Cổng số 1 **Bến xe M**. Khi đến địa chỉ **số B Đ, Phường B, quận B** thì gặp **H3**, **H3** nói anh **Thanh T5** và **P1** đi về để **H3** đến gặp **Đình T** nên anh **Thanh T5** bỏ đi, còn **P1** ở lại với **H3**. Khoảng 10 phút sau, **T** điều khiển xe mô tô hiệu Exciter, không xác định biển số chở **Đình T2** đến gần địa chỉ **số B Đ** thì gặp **H3** và **P1**. **T** dùng tay không đánh vào ngực **H3** làm **H3** ngã xuống đất. Sau đó, **Đình T2** điều khiển xe mô tô chở **Đình T** chạy về hướng **đường Đ và đường N**” và khi “**Đình Thiện** đến từ xa thấy **H3** và **P1** (bạn của **Thanh T5**) mỗi người lấy 01 tuýp sắt khoảng 70 cm chạy bộ ngược về phía **Nguyễn Đình T** và **Đình T2** đang đứng tại **số C Đ, Phường B**. Do vậy, **T** bị bức xúc mới nhảy xuống xe đi bộ về phía **H3** và **P1**, **Đình T2** điều khiển xe mô tô đâm vào **H3** và **P1**, làm cho **H3** ngã xuống đường, **T** cầm con dao nhọn, sắc khoảng 10 cm đâm trúng cổ và chân của **H3**”. Đồng thời, **Trần Ngọc H3** và **Trần Thái P1** dùng 02 tuýp sắt dài khoảng 70 cm là các hung khí nguy hiểm để đuổi đánh nhau trên đường với **Nguyễn Đình T**, **Nguyễn Đình T2**, đã gây mất an ninh trật tự nơi công cộng và an toàn xã hội nơi công cộng với tình tiết định khung “Dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách”. Điều này cho thấy, về khoảng thời gian là không hề bị ngắt quãng kể từ khi **Thanh T5** đánh **Đình Tâm** lúc ban đầu, các bên vẫn tiếp tục gọi điện cho người thân hỗ trợ: **Thanh T5** gọi điện cho **Trần Thái P1** nhờ đến giúp đỡ, **P1** tiếp tục gọi cho **Trần Ngọc H3** giúp đỡ, còn **Đình T2** gọi điện cho **Đình T**. Hai bên cùng bức xúc dẫn đến đánh nhau. Hậu quả làm **Trần Ngọc H3** bị **T** đâm thương tích 23%; tổng tỷ lệ thương tích mà bị cáo **Đình T2** và bị cáo **T** gây ra cho bị hại **P1** hiện tại là 32% (**T** gây thương tích cho **P1** 28%, **Đình T2** gây tỷ lệ thương tích là 4% cho **P1**). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và kết tội bị cáo **Nguyễn Đình T** phạm tội “Giết người” quy định tại khoản 2 Điều 123 và tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Chứ không thuộc trường hợp phạm tội quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự về tội giết người như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề cập. Ngoài ra, bị cáo **Nguyễn Đình T2** phạm tội “Cố ý

gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự và các bị cáo **Trần Ngọc H3** và **Trần Thái P1** cùng phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm hại đến sức khỏe của người bị hại anh **Trần Ngọc H3** và anh **P1** được pháp luật bảo vệ làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Bản thân các bị cáo **Trần Ngọc H3** và **Trần Thái P1** cũng chính là những người bị hại trong tội giết người và cố ý gây thương tích nêu trên. Cần phải xử phạt đối với các bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội để răn đe và phòng ngừa tội phạm chung. Về nhân thân và tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã phân tích một cách khách quan khi nhận định các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng, vì đều thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn. Đồng thời, các bị cáo **T**, **Đình T2** không bàn bạc hoặc chủ động cấu kết với nhau về tội giết người. Tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình hoàn cảnh khó khăn; người bị hại **P1**, **H3** có một phần lỗi và đều có đơn xin bãi nại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo **T**, **Đình T2**; riêng bị cáo **T** và **Đình T2** đã khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại **P1** và **H3** nên đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và xử phạt các bị cáo **Nguyễn Đình T**, **Nguyễn Đình T2**, **Trần Ngọc H3**, **Trần Thái P1** mức án, tội danh như cấp sơ thẩm quyết định là phù hợp pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của **Nguyễn Đình T** và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Do bị cáo **Nguyễn Đình T** không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm h khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH :

I. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Đình T** và Kháng nghị của

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2023/HSST ngày 06-3-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. **Tuyên xử:**

1. Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình T**: 09 (chín) năm tù, về tội “*Giết người*”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình T**: 03 (ba) năm tù, về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, buộc bị cáo **Nguyễn Đình T** phải chịu hình phạt chung là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15-12-2021.

2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình T2**: 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 06-3-2023.

Giao bị cáo **Nguyễn Đình T2** cho Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách bị cáo **Nguyễn Đình T2** cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc H3**: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 06-3-2023.

Giao bị cáo **Trần Ngọc H3** cho Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố

Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách bị cáo **Trần Ngọc H3** cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo **Trần Ngọc H3** thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự năm 2019.

4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Trần Thái P1**: 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 06-03-2023.

Giao bị cáo **Trần Thái P1** cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách bị cáo **Trần Thái P1** cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo **Trần Thái P1** thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự năm 2019.

II. Về án phí:

Bị cáo **Nguyễn Đình T** phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 15 - 9 - 2023./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh; (5)
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Trại tạm giam Công an Thành phố Hồ Chí Minh; (2)
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- UBND nơi cư trú bị cáo án treo; (2)
- Lưu: VP, HS (ĐTM). (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thúy Cầu

